

Số: 1654 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tịnh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6223/TTr-STNMT ngày 01/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tịnh Hòa (sau đây gọi là Dự án) của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi; Chủ

tịch UBND xã Tịnh Hòa; và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, TTHC, CB-TH;
- Lưu: VT, KTNak1402.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp
cảng cá Tịnh Hòa

(Kèm theo Quyết định số **1654** /QĐ-UBND ngày **02** tháng **12** năm 2022
 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tịnh Hòa.

- Địa điểm thực hiện: Xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chủ dự án: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Địa chỉ: Số 182 đường Hùng Vương, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Điện thoại: 0914.900.263

- Người đại diện: Ông Hồ Trọng Phương Chức vụ: Giám đốc

1.2. Mục tiêu:

Mở rộng khu neo đậu tránh trú bão Tịnh Hòa đảm bảo cho tàu cá tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh lân cận vào neo trú an toàn trong mùa mưa bão, kết hợp với cảng cá Tịnh Hòa hình thành khu dịch vụ hậu cần nghề cá, góp phần phát triển kinh tế xã hội, tạo động lực phát triển kinh tế biển của địa phương.

1.3. Phạm vi, quy mô, công suất

- Dự án thực hiện trên ao đầm nuôi tôm và sông Bài Ca đoạn từ cầu Khê Hòa đến thôn Xuân An thuộc xã Tịnh Hòa, cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi khoảng 15 km về phía Đông Bắc.

- Phạm vi ranh giới khu dự án: Phía Bắc giáp khu dân cư thôn Hoà Thuận và Xuân An xã Tịnh Hòa, phía Nam giáp sông Bài Ca, phía Đông giáp sông Bài Ca và ao tôm xóm Gò Tây – thôn Xuân An, phía Tây giáp sông Bài Ca và cảng Tịnh Hòa (hiện trạng).

- Quy mô, công suất:

Khu neo đậu tàu tiếp nhận được 1.500 tàu công suất đến 800 CV vào tránh trú bão hoặc neo đậu. Cảng cá tiếp nhận được 200 lượt tàu đến 800 CV cập cảng trong ngày, hàng thủy sản qua cảng khoảng 25.000 tấn/năm. Dự án giữ nguyên cảng Tịnh Hòa hiện trạng và tiến hành nâng cấp mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp với cảng cá Tịnh Hòa. Trong đó:

+ Phần cảng Tịnh Hòa hiện trạng tiếp nhận được 350 tàu đến 300 CV vào neo đậu; 60 lượt tàu cập cảng trong ngày và 10.000 tấn thủy sản/năm.

+ Phần cảng Tịnh Hòa nâng cấp, mở rộng tiếp nhận được 1.150 tàu công suất đến 800 CV vào neo đậu; 140 lượt tàu đến 800 CV cập cảng trong ngày và 15.000 tấn thủy sản/năm.

- Tổng diện tích khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tịnh Hòa 75,6ha. Trong đó: Diện tích cảng Tịnh Hòa hiện trạng là 8ha (*khu nước neo đậu tàu: 5ha; khu đất cảng 3ha*); Diện tích cảng Tịnh Hòa nâng cấp, mở rộng là 67,6ha (*khu đất cảng và dịch vụ hậu cần nghề cá: 25,1ha; khu neo đậu tàu (90÷800)CV: 22,27ha; khu neo đậu tàu đánh cá ven bờ <90CV: 14,14ha; diện tích luồng chính (1,50km x 35m): 5,25ha; diện tích luồng nhánh (0,42m x 20m): 0,84ha*).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Các hạng mục công trình được tổng hợp tại bảng sau:

T T	Hạng mục công trình	Đơn vị	Quy mô
I. Hạng mục công trình thủy công			
1	Bến cảng cá và kè gắm bến	m	350
2	Khu neo đậu tránh trú bão	Trụ	69
3	Nạo vét tuyến luồng & khu neo đậu tránh trú bão	m ³	1.064.842
4	Kè bảo vệ bờ	m	771
5	Hệ thống đường giao thông	m ²	11.800
6	Sân bãi cảng	m ²	12.030
7	Phao neo, rùa neo	Bộ	18
II. Hạng mục công trình kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật cảng cá			
1	Nhà điều hành	m ²	350
2	Nhà để xe 2 bánh	m ²	63
3	Gara ô tô	m ²	66
4	Nhà tiếp nhận và phân loại hải sản	m ²	850x2
5	Nhà mái che bến	m ²	2.350
6	Nhà tập kết và phân loại rác thải rắn	m ²	72
7	Nhà vệ sinh công cộng	m ²	62
8	Trạm biến áp	Công trình	01
9	Trạm bơm	m ²	30
10	Cổng thường trực	Công trình	03
11	Bể nước	m ³	300

T	Hạng mục công trình	Đơn vị	Quy mô
12	Hàng rào	m	719
13	Cây xanh thảm cỏ	m ²	4.673
14	Hệ thống xử lý nước thải	m ³ /ngày đêm	200
15	Hệ thống thoát nước	Công trình	01
16	Hệ thống cấp điện	Công trình	01
17	Hệ thống PCCC	Công trình	01

- Hoạt động nạo vét dự án :

+ Bãi chứa vật chất nạo vét của dự án:

Vật chất nạo vét bơm vào bãi chứa trên cảng để chứa tại khu hậu cần nghề cá và cân bằng vật chất nạo vét tạo mặt bằng. Bãi chứa gồm hai lớp, cân bằng vật chất nạo vét tạo mặt bằng ở dưới và bãi chứa ở trên. Bãi chứa là khu dịch vụ hậu cần nghề cá rộng 24ha (tại các ô HC1, HC2, SX1, SX2, SX3, HTKT2), chứa được 0,403 triệu m³ vật chất nạo vét. Xung quanh có đê bao ngăn đất cát sạt lở và nước mặn chảy tràn ra xung quanh.

Đê đắp bằng cát, mặt cắt hình thang, hệ số mái dốc phía khu dân cư 1:3; hệ số mái dốc phía bãi chứa 1:1,5; mặt đê rộng 2m. Đê phủ bạt chống thấm nước. Đê bao gồm hai tầng, đỉnh đê tầng 1 có cao trình +3,20m, đỉnh đê tầng 2 có cao trình +6,30m nhằm bảo vệ bãi chứa.

+ Khối lượng nạo vét là 1,065 triệu m³.

Dự án cân bằng vật chất nạo vét được 0,662 triệu m³ vật chất nạo vét để san lấp mặt bằng đến cao trình +2,80m diện tích khoảng 24ha làm đường bãi và khu dịch vụ hậu cần nghề cá. Khoảng 0,403 triệu m³ vật chất nạo vét còn lại chứa ở bãi chứa từ cao trình +2,80m (cao trình mặt bằng đã cân bằng vật chất nạo vét) đến cao trình +5,90m. Bãi chứa có hai cửa xả tràn để nước thải từ bãi chứa chảy tràn qua sân bãi và bển tàu ra sông Bài Ca. Bãi chứa tiếp giáp với một số hộ dân của thôn Hòa Thuận ở phía Tây và một số hộ dân thôn Xuân An ở phía Đông Bắc.

+ Vị trí, ranh giới khu vực vật chất nạo vét của Dự án đầu tư được giới hạn bởi các điểm từ N1 đến N42. Tọa độ của các điểm nạo vét như sau:

Tên điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y	Tên điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y
N1	1682966.85	597984.63	N22	1682280.04	596402.24
N2	1682952.52	597682.21	N23	1682361.71	596584.42
N3	1682972.63	596999.10	N24	1682483.69	596676.82
N4	1680362.74	596978.29	N25	1682533.97	596695.51
N5	1682939.62	596676.48	N26	1682600.48	596736.39
N6	1682762.83	596810.24	N27	1682640.58	596809.27
N7	1682684.58	596782.79	N28	1682576.95	596762.51

Tên điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y	Tên điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y
N8	1682651.68	596775.69	N29	1682026.79	595615.78
N9	1682894.99	596618.37	N30	1681996.31	595633.41
N10	1682679.83	596547.92	N31	1682038.73	592713.37
N11	1682741.21	596401.36	N32	1682073.70	595754.56
N12	1682734.13	596402.04	N33	1681643.26	595791.60
N13	1682727.88	596412.29	N34	1681643.26	595892.61
N14	1682588.79	596334.24	N35	1681450.63	596032.64
N15	1682458.67	596283.38	N36	1681403.36	596049.42
N16	1682367.70	596259.73	N37	1681295.50	596087.41
N17	1682370.72	596248.12	N38	1681237.62	596021.51
N18	1682359.26	596245.14	N39	1681237.62	595664.28
N19	1682279.96	596296.80	N40	1681403.28	595664.28
N20	1682275.23	596251.88	N41	1681643.26	595664.28
N21	1682268.03	596303.77	N42	1681643.26	595770.25

(Nguồn: Thiết kế cơ sở của dự án, năm 2022)

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản và một số loại đất khác; ảnh hưởng đến hoạt động nuôi trồng thủy sản và sinh kế của cộng đồng dân cư.

- Hoạt động nạo vét của dự án làm lan truyền chất rắn lơ lửng, tác động tiêu cực đến đời sống của các loại thủy sản tại khu vực cảng Tịnh Hòa.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ hoạt động thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu và tàu thuyền thi công nạo vét; nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải xây dựng; nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; chất thải rắn xây dựng; vật chất nạo vét; chất thải (nước la canh, CTNH) từ tàu nạo vét; chất thải nguy hại từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công; hoạt động nạo vét luồng tàu sông Bài Ca làm thay đổi địa hình và mặt cắt lòng sông gây ảnh hưởng thủy văn dòng chảy, thay đổi quy luật bồi xói lòng và bờ sông; hoạt động lưu chứa vật chất nạo vét.

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải:

a. Giai đoạn xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nguồn phát sinh: Hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công.

+ Lưu lượng phát sinh: 16 m³/ngày.

+ Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD₅), các chất dinh dưỡng (N, P), coliform.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất chảy qua khu vực dự án là 2.080 m³/h.

+ Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất lơ lửng.

- Nước thải xây dựng:

+ Nguồn phát sinh: Chủ yếu do nước dư từ hoạt động bảo dưỡng bê tông, vệ sinh các loại máy móc, thiết bị.

+ Lưu lượng phát sinh: Khoảng 2,6 m³/ngày.

+ Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Dầu mỡ và các chất rắn lơ lửng.

- Nước la canh từ tàu thi công nạo vét:

+ Lưu lượng phát sinh: Khoảng 2,6 m³/ngày.

+ Thành phần chính: Dầu mỡ, bùn.

b. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải từ vận hành dự án:

* Đối với phân cảng Tịnh Hòa hiện trạng: Nước thải phát sinh từ cán bộ nhân viên cảng, khách đến cảng và thuyền viên từ các tàu thuyền cập cảng; nước rửa tàu thuyền; nước rửa phân loại cá; nước rửa cảng và bãi xe, tổng lưu lượng khoảng 55m³/ngày đêm.

* Đối với phân cảng Tịnh Hòa nâng cấp, mở rộng:

Tổng cộng khoảng 140m³/ngày đêm. Nguồn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ nhân viên cảng, khách đến cảng và thuyền viên từ các tàu thuyền cập cảng; nước rửa tàu thuyền; nước rửa phân loại cá; nước rửa cảng và bãi xe. Trong đó:

+ Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng phát sinh khoảng 10m³/ngày đêm. Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD₅), các chất dinh dưỡng (N, P), coliform.

+ Nước rửa bến cá, bãi xe: Lưu lượng phát sinh khoảng 20m³/ngày đêm.

+ Nước rửa nhà phân loại cá: Lưu lượng phát sinh khoảng 70m³/ngày đêm.

+ Nước rửa tàu: Lưu lượng phát sinh khoảng 40m³/ngày đêm.

- Nước la canh với thành phần chính là dầu mỡ, bùn.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất chảy qua khu vực dự án là 2.080m³/h.

+ Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất lơ lửng.

3.1.2. Bụi, khí thải:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nguồn phát sinh: Hoạt động của các phương tiện nạo vét; các máy móc, thiết bị thi công xây dựng; bụi từ quá trình lưu giữ và phối trộn vật liệu; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công; bụi khói hàn từ hoạt động hàn cắt sắt, thép trong quá trình thi công, lắp đặt máy móc.

- Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn.

b. Giai đoạn vận hành:

- Nguồn phát sinh: Hoạt động của phương tiện giao thông và tàu thuyền ra vào cảng; các máy móc, dây chuyền bốc dỡ hàng hóa; khí gây mùi từ hệ thống xử lý nước thải, mùi ươn tanh,...

- Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn, NH₃, H₂S, khí metylamin CH₃NH₂, khí trimetylamin (CH₃)₃N, khí hydrosulfua (H₂S), khí amoniac (NH₃).

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1 Chất thải rắn

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Nguồn phát sinh: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công.

+ Khối lượng phát sinh: Khoảng 100 kg/ngày.

+ Thành phần: Vỏ hộp, nhựa, chai lọ, bao bì,....

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Nguồn phát sinh: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động xây dựng trên bờ và hoạt động nạo vét.

+ Khối lượng phát sinh: Chất thải từ hoạt động xây dựng trên bờ khoảng 100kg/ngày và vật chất nạo vét khoảng 213.000 tấn/tháng. Trong đó vật chất nạo vét của toàn dự án là khoảng 1,065 triệu m³, bao gồm: 0,662 triệu m³ vật chất nạo vét để tạo mặt bằng cảng cá; phần vật chất nạo vét còn lại 0,403 triệu m³ chứa trên khu vực dự kiến phát triển khu dịch vụ hậu cần nghề cá.

+ Thành phần: Các loại vật liệu xây dựng gồm cát, sỏi, bao xi măng, gạch, đá, gỗ,... và vật chất nạo vét.

b. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Nguồn phát sinh: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ nhân viên cảng, khách đến cảng và thuyền viên từ các tàu thuyền cập cảng, các nhân viên khu dịch vụ hậu cần nghề cá (riêng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các cơ sở sản xuất kinh doanh do các tổ chức/cá nhân thuê mặt bằng khu dịch vụ hậu cần nghề cá sẽ được các cơ sở này tự thu gom xử lý theo quy định pháp luật).

- + Khối lượng phát sinh: Khoảng 888 - 1.698 kg/ngày đêm.
- + Thành phần: Vỏ hộp, nhựa, chai lọ, bao bì,....
- Phế thải thủy sản
- + Nguồn phát sinh: Chủ yếu từ các tàu cập cảng để bốc xếp thủy sản lên cảng.
- + Khối lượng phát sinh: Khoảng 7,3 tấn/ngày.

3.2.2. Chất thải nguy hại:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nguồn phát sinh: Hoạt động của các phương tiện thi công nạo vét; hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công xây dựng trên bờ.
- Lượng phát sinh:
 - + Hoạt động thi công dưới nước: Cặn dầu, dầu thải; nước la canh (khoảng 16,8 m³/ngày); giẻ lau dính dầu mỡ: 40 kg/ngày.
 - + Hoạt động thi công trên bờ: Dầu thải: khoảng 50lít/ngày; giẻ lau dính dầu mỡ: 5 kg/ngày.
- Thành phần: Dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu mỡ, ắc quy thải, nước la canh,...

b. Giai đoạn vận hành:

- Nguồn phát sinh: Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện, máy móc, thiết bị bốc dỡ hàng hóa trên bến, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải; bùn thải từ trạm xử lý nước thải sân bãi cảng.
- Lượng phát sinh:
 - + Đối với giẻ lau dính dầu nhớt: khoảng 5 kg/ngày.
 - + Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: khoảng 52kg/ngày.
 - + Bình ắc quy, bóng đèn huỳnh quang thải: khoảng 20kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

a. *Giai đoạn thi công xây dựng:* Phát sinh do hoạt động của các phương tiện thi công nạo vét; máy móc, thiết bị thi công trên bờ; xe vận chuyển.

b. *Giai đoạn vận hành:* Phát sinh do hoạt động của tàu thuyền cập cảng; thiết bị bốc xếp trên bến và phương tiện vận chuyển trên bờ.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1 Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a. *Giai đoạn thi công xây dựng:*

- Nước thải sinh hoạt:
 - + Trên tàu thi công nạo vét: Trang bị nhà vệ sinh và thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng quy định.

+ Khu vực thi công trên bờ: Thuê nhà ở có nhà vệ sinh tự hoại; bố trí nhà vệ sinh di động có ngăn tự hoại tại khu lán trại; định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút và xử lý theo quy định.

- Nước la canh: Thường xuyên vệ sinh giếng la canh; hợp đồng thu gom theo quy định.

- Nước mưa chảy tràn: Lựa chọn thời điểm thi công xây dựng phù hợp; thu gom và lưu giữ dầu mỡ, dầu mỡ thải trong thùng chứa; che chắn nguyên vật liệu khi có mưa; kiểm tra các thùng đựng nhiên liệu để phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ dầu.

b. Giai đoạn vận hành:

* Đối với phần cảng Tịnh Hòa hiện trạng: Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt, nước rửa bến tàu, nhà phân loại thủy sản phát sinh từ khu vực cảng Tịnh Hòa hiện trạng sẽ theo cống thoát nước thải mương B300 dẫn về trạm xử lý nước thải công suất $55\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm để xử lý.

Quy trình công nghệ xử lý nước thải như sau: Nước thải đầu vào (*Nước thải sinh hoạt và Nước rửa bến tàu, nhà phân loại thủy sản*) → Bể thu gom và máy tách rác tinh → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể UASB → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể lắng sinh học → Nguồn tiếp nhận (thoát ra sông Bài Ca phía khu vực phần cảng Tịnh Hòa hiện trạng). Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp ($Cột B, K_q=0,9, K_f=1,1$).

* Đối với phần cảng Tịnh Hòa nâng cấp, mở rộng:

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh trên khu vực cảng Tịnh Hoà nâng cấp, mở rộng sẽ theo cống thoát nước thải uPVC D300 dẫn về trạm xử lý nước thải sân bãi với công suất $200\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm để xử lý.

- Nước rửa bến tàu, nhà phân loại thủy sản theo cống dẫn nước thải uPVC D400 của cảng dẫn về trạm xử lý nước thải sân bãi với công suất $200\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm để xử lý.

Quy trình công nghệ xử lý nước thải như sau: Nước thải đầu vào (*Nước thải sinh hoạt và Nước rửa bến tàu, nhà phân loại thủy sản*) → Bể thu gom và máy tách rác tinh → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể UASB → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể lắng sinh học → Nguồn tiếp nhận (thoát ra sông Bài Ca phía khu vực phần cảng Tịnh Hòa nâng cấp, mở rộng). Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp ($Cột B, K_q=0,9, K_f=1,1$).

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa sử dụng hệ thống hố ga và cống ngầm kết hợp. Tại các vị trí hố ga bố trí các tuyến cống ngầm Bê tông cốt thép D400 và D600.

- Nước thải từ tàu thuyền:

+ Nước la canh: Nghiêm cấm mọi hành động thải nước la canh, trên tàu lắp đặt các thiết bị tách dầu cặn từ nước la canh, nước lẫn cặn dầu sẽ được thu gom và xử lý theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Trên bờ: Dựng tường rào bằng tôn; các phương tiện vận chuyển được phủ bạt, che kín để tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh...

- Dưới nước: Sử dụng thiết bị thi công đúng công suất thiết kế; thực hiện tốt việc bảo trì bảo dưỡng cho phương tiện; chở đúng tải trọng; đảm bảo nạo vét đúng ranh giới, độ sâu thiết kế.

b. Giai đoạn vận hành:

- Tàu vận chuyển chở đúng trọng tải quy định, sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- Các phương tiện, xe, máy được kiểm tra định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường; xe chở đúng trọng tải và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về xe lưu thông trên đường; phân luồng xe tải ra vào cảng tránh ùn tắc, gây ô nhiễm khói bụi và mất an toàn giao thông.

- Bố trí công nhân vệ sinh hệ thống băng chuyền và khu vực bốc dỡ hàng hóa; thường xuyên quét dọn, vệ sinh đường nội bộ và phun nước làm ẩm vào những ngày trời nắng và gió.

- Thu gom xử lý triệt để phế thải phát sinh trên tàu cá, bến tàu và nhà phân loại thủy sản để không còn nguồn phát sinh mùi ươn tanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Hoạt động thi công trên bờ: Bố trí thùng thu gom rác thải; yêu cầu công nhân xây dựng không vứt rác bừa bãi; ký hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng quy định.

+ Đối với hoạt động thi công dưới nước: Trang bị thùng/kết chứa rác thải và lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt trên phương tiện thi công; thu gom chất thải và không xả ra môi trường; định kỳ 2-3 ngày chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn thi công xây dựng:

+ Quy định khu vực thu gom và chứa chất thải, nghiêm cấm các hành vi phát thải bừa bãi ra môi trường; thu gom, phân loại và xử lý chất thải (các loại plastic, bao bì xi măng bán cho các cơ sở để tái sử dụng; sắt thép vụn được công nhân xây dựng thu gom và bán phế liệu); hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng không tái sử dụng theo

quy định.

+ Đối với vật chất nạo vét: Toàn bộ lượng vật chất nạo vét sẽ được vận chuyển vào bãi chứa chất nạo vét; sử dụng sà lan tự hành để vận chuyển và bơm chất nạo vét vào vị trí xả thải theo đúng tọa độ, vị trí đã được phê duyệt; ghi nhật ký thi công và người giám sát thi công chặt chẽ; định kỳ giám sát chất lượng nước tại khu vực nạo vét để điều chỉnh biện pháp thi công nếu cần.

b. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Từ tàu cập cảng: Thu gom lưu chứa tại các thùng đựng rác trên tàu và hợp đồng với đơn vị có chức năng mang đi xử lý khi cập cảng.

+ Trên khu vực cảng: Bố trí các thùng rác lớn dung tích chứa 200 lít có nắp đậy để thu gom và tập trung về nhà tập kết và phân loại chất thải rắn có diện tích 72m²; hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý định kỳ 3 lần/tuần.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Từ tàu cập cảng: Thu gom lưu chứa tại các thùng đựng rác trên tàu, phân loại tái sử dụng, các loại chất thải không tái sử dụng sẽ được thu riêng và hợp đồng với đơn vị có chức năng mang đi xử lý khi cập cảng.

+ Trên khu vực cảng: Các loại chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng (chủ yếu là dây thừng, gỗ ván, giấy, bìa cứng,...) được thu gom và bán cho các đơn vị có nhu cầu. Đối với thành phần còn lại sẽ lưu giữ trong nhà tập kết và phân loại chất thải rắn có diện tích 72m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý phù hợp.

+ Tàu cá, cảng cá thu gom hết phế thải thủy sản, hộp và túi đựng thủy sản, rác sinh hoạt vào thùng đựng chuyên dụng theo từng loại rác. Mô cơ và nội tạng tôm cá tận dụng làm nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc. Ban Quản lý Cảng cá Tịnh Hòa thuê đơn vị chức năng vận chuyển xử lý rác sinh hoạt, hộp và túi đựng thủy sản theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

*** Giai đoạn thi công xây dựng:**

- Hoạt động thi công trên bờ: Bố trí thùng chứa chất thải tại khu vực thực hiện hoạt động bảo dưỡng; hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Hoạt động thi công dưới sông: Phương tiện nạo vét bố trí 01 thùng phuy nhựa 100 lít và 01 thùng chứa dung tích 100 lít để lưu chứa chất thải, thùng có nắp đậy và được dán nhãn cảnh báo; hợp đồng đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

*** Giai đoạn vận hành:**

- Từ tàu cập cảng: Thu gom lưu chứa tại các thùng chứa chất thải nguy hại trên tàu và hợp đồng với đơn vị có chức năng mang đi xử lý khi cập cảng.

- Trên khu vực cảng: Bố trí các thùng đựng chất thải nguy hại riêng biệt và bố trí nhân viên thu gom thường xuyên đưa về kho chứa chất thải nguy hại trong nhà tập kết và phân loại chất thải rắn có diện tích 72m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa tại bể chứa bùn và hợp đồng với đơn vị có chức năng hút đưa đi xử lý.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

*** Giai đoạn thi công xây dựng:**

- Sử dụng máy móc, thiết bị có mức gây ồn thấp; thực hiện bảo dưỡng thiết bị, máy móc thi công thường xuyên trong suốt thời gian thi công...

- Tổ chức thời gian làm việc hợp lý, nạo vét theo tuyến luồng để tránh tập trung tiếng ồn tại một vị trí; lựa chọn các phương tiện thi công tiên tiến nhằm giảm độ ồn xuống mức thấp nhất; định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, vận hành đúng công suất thiết kế, đúng trọng tải quy định.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b. Giai đoạn vận hành:

- Các phương tiện chở đúng trọng tải quy định và chạy đúng tốc độ quy định; định kỳ các phương tiện phải được bảo trì, bảo dưỡng; trang bị đầy đủ các dụng cụ chống ồn như nút tai, bao tai.

- Tàu cá phải còn hạn đăng kiểm mới được neo đậu và cập dự án. Chủ tàu bảo dưỡng máy tàu thường xuyên để hạn chế ồn. Tàu cá ra, vào khu neo đậu phải tuân thủ quy định của Ban Quản lý để không ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh.

- Tàu đóng mới phải theo mẫu thiết kế để lắp đặt thiết bị máy móc đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn của nhà sản xuất để giảm rung. Các khớp nối và ốc chân máy có đệm cao su để giảm rung.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Sự cố tai nạn lao động, cháy nổ: Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động theo quy định, xây dựng và ban hành các nội quy làm việc; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo quy định để phòng ngừa sự cố cháy nổ.

- Sự cố do rò rỉ, tràn dầu trên sông: Chủ động huy động nhân lực, nguồn lực, tự tổ chức, chỉ huy ứng phó kịp thời, hiệu quả khi xảy ra sự cố tràn dầu.

- Sự cố tai nạn giao thông: Bố trí người hướng dẫn, phân luồng cho các xe vận chuyển khi quay đầu hoặc khi lùi xe; chạy đúng tốc độ, trọng tải theo quy định; nắm bắt lịch tàu ra vào để có kế hoạch chủ động triển khai thi công, điều tiết giao thông hợp lý và phải thực hiện đầy đủ những quy định.

- Sự cố do sóng to, gió lớn và thời tiết cực đoan: Thường xuyên cập nhật điều kiện thời tiết; thời tiết bất thường dừng hoạt động thi công, di chuyển người và thiết bị về nơi an toàn, đối với tàu, phao nổi và các trang thiết bị khác phải có phương án sơ tán, chằng buộc trước khi thiên tai xảy ra.

- Sự cố xói lở, bờ sông: Tính toán thiết kế phạm vi ranh giới, cao trình, hệ số mái dốc nạo vét trên cơ sở mô hình toán của dự án và thi công nạo vét đúng bản vẽ thiết kế được duyệt. Không nạo vét trong mùa mưa bão để hạn chế ảnh hưởng đến chế độ thủy văn dòng chảy sông mùa lũ và gây nguy cơ xói lở.

b. Giai đoạn vận hành:

- Sự cố do thiên tai, bão lụt, tai biến địa chất: Thực hiện kế hoạch ứng phó với tình trạng khẩn cấp; phân công vai trò và trách nhiệm của các phòng ban, cá nhân trong kế hoạch; đào tạo về công tác an toàn, phòng chống trong trường hợp xảy ra sự cố; quy định và tuân thủ nghiêm ngặt về thu gom các vật nhiễm dầu vào các thùng chứa chống cháy có nắp đậy kín và tập trung đúng nơi quy định hàng ngày.

- Sự cố của hệ thống xử lý nước thải: Tuân thủ đúng quy trình vận hành; thường xuyên kiểm tra và định kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý; sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong thời gian khắc phục sự cố thiết bị; nhanh chóng khắc phục sự cố để hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại; nước thải được lưu chứa để xử lý lại sau khi khắc phục sự cố.

- Sự cố do va chạm, đắm tàu, tràn dầu: Lắp đặt hệ thống đệm va của cầu cảng; phối hợp với các cơ quan chức năng để có các kế hoạch cứu hộ, trang thiết bị và đội cứu hộ thường trực hoặc kiêm nhiệm, sẵn sàng xử lý, khắc phục các sự cố xảy ra trong thủy vực cầu cảng và khu vực lân cận một cách kịp thời.

- Sự cố cháy nổ: Xây dựng phương án PCCC và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt phương án; duy trì công tác tuyên truyền phổ biến các loại kiến thức pháp luật về PCCC; hàng năm có kế hoạch phối hợp với cơ quan chức năng tổ chức diễn tập phương án chữa cháy, cứu hộ cứu nạn theo quy định; duy trì công tác tự kiểm tra an toàn PCCC.

- Sự cố đối với bãi chứa vật chất nạo vét: Thường xuyên kiểm tra bãi chứa để tránh cát gây bụi cũng như nước mưa thấm vào bãi chứa gây thấm rỉ ra xung quanh. Thường xuyên kiểm tra bạt chống thấm để bao để tránh rách hỏng bạt gây xói lở để bao khiến cho đất cát trong bãi chứa chảy tràn ra xung quanh ảnh hưởng đến môi trường và người dân.

5. Chương trình quản lý, giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn xây dựng

5.1.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí xung quanh:

a. Giám sát tổng bụi lơ lửng:

- Vị trí giám sát:
- + Tại phân cảng Tịnh Hòa hiện trạng
- + Quốc lộ 24B giao với đường vào dự án (đường khu dân cư thôn Hòa Thuận và Xuân An).
- + Vị trí thi công sân bãi cảng.
- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP).
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

b. Giám sát tiếng ồn

- Vị trí:
- + Tại phân cảng Tịnh Hòa hiện trạng
- + Quốc lộ 24B giao với đường vào dự án (đường qua thôn Hòa Thuận và Xuân An).
- + Tại sân bãi cảng.
- + Xóm Gò Tây – thôn Xuân An.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần; mỗi lần đo ồn 2 lần, vào ban ngày và ban đêm (22h đêm hôm trước đến 6h sáng hôm sau).
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn thông thường

*** Giám sát bãi chứa vật chất nạo vét**

- Vị trí giám sát:
- + 01 vị trí khu dân cư thôn Hòa Thuận,
- + 01 vị trí khu dân cư thôn Xuân An liền kề bãi chứa.
- Nội dung giám sát:
- + Giám sát biện pháp chống cát bay của bãi chứa.
- + Giám sát chất lượng đê bao và tình trạng an toàn bãi chứa để không thùng bạt, vỡ đê, sạt lở làm đất cát chảy tràn ra xung quanh đe dọa tính mạng và tài sản người dân.
- Tần suất:
- + Giám sát hàng ngày, chú trọng thời điểm bơm vật chất nạo vét vào bãi chứa và mùa mưa bão vì nguy cơ mất an toàn đê bao bãi chứa là lớn nhất.
- + Vật chất nạo vét vận chuyển hết đi nơi khác kết thúc nhiệm vụ giám sát.
- Cơ sở giám sát: Hồ sơ thiết kế, hồ sơ tính toán thẩm, tính toán ổn định bờ bao bãi chứa.

*** Giám sát nạo vét**

- Vị trí giám sát:

+ Khu nước trước bến tàu, khu neo đậu tàu (90÷800)CV, khu neo đậu tàu <90CV; luồng tàu từ cảng Sa Kỳ đến cảng Tịnh Hoà cũ.

+ Phạm vi dự án từ cầu Khê Hòa đến cuối dự án thuộc thôn Xuân An.

- Nội dung giám sát: Phạm vi ranh giới nạo vét theo đúng bản vẽ thiết kế được phê duyệt; tình trạng xói lở trong khu vực; ảnh hưởng tàu thuyền di chuyển trên sông.

- Tần suất: 3 lần/năm.

- Giám sát theo Điều 5 và 6, Nghị định 159/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

5.1.3 Các giám sát khác

a) Giám sát rung khi thi công đóng cọc bê tông cốt thép

- Vị trí:

+ Bến cập tàu phần cảng Tịnh Hoà nâng cấp, mở rộng.

+ Khu dân cư thôn Hoà Thuận (liền kề dự án).

- Thông số giám sát: mức gia tốc rung.

- Tần suất giám sát: 02 lần trong thời gian thi công đóng cọc bê tông (lần 1 khi công trường bắt đầu đóng cọc bê tông; lần 2 trước khi kết thúc đóng cọc bê tông).

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.2. Giai đoạn vận hành dự án

5.2.1. Giám sát khí thải

*** Giám sát khí thải tàu cá**

- Vị trí giám sát:

+ Tại Bến cập tàu phần cảng Tịnh Hoà hiện trạng.

+ Tại Bến cập tàu phần cảng Tịnh Hoà nâng cấp, mở rộng.

+ Tại Khu dân cư thôn Hoà Thuận và thôn Xuân An.

- Thông số giám sát: CO, NO₂, SO₂.

- Tần suất giám sát: 2 lần/năm.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh.

5.2.2. Giám sát nước thải

*** Giám sát nước thải sau trạm xử lý nước thải sân bãi cảng**

- Vị trí giám sát: Công thoát nước sau xử lý của trạm xử lý nước thải sân bãi 200 m³/ngày đêm (phần cảng Tịnh Hoà nâng cấp, mở rộng) và trạm xử lý nước thải 55 m³/ngày đêm (phần cảng Tịnh Hoà hiện trạng).

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, amoni (theo N), tổng nitơ, tổng phốt pho, tổng dầu mỡ khoáng, clo dư, Coliform.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (Cột B, K_q=0,9, K_f = 1,1).

*** Giám sát chất lượng nước sông Bài Ca**

- Vị trí giám sát: 03 điểm đầu, giữa, cuối theo tuyến luồng chính của khu neo đậu. Điểm đầu là sau cống ngăn mặn Khê Hòa; điểm giữa là khu vực dự án (từ cầu Khê Hòa đến cuối dự án thuộc thôn Xuân An), điểm cuối là đoạn sông chảy qua xóm Gò Tây.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, amoni (theo N), nitrit, nitrat, phosphat, tổng dầu, mỡ, Coliform.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08-MT:2015/BTNMT -Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các điều kiện có liên quan đến môi trường sau:

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy, nổ, tràn dầu trong giai đoạn vận hành theo đúng quy định của pháp luật.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước từ tàu thuyền phát sinh trong quá trình thực hiện dự án được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, không thải nước thải chưa qua xử lý không đạt yêu cầu ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định trên địa bàn tỉnh; chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

- Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường và hoạt động của các dự án xung quanh và các khu dân cư thì Chủ dự án phải dừng các hoạt động của dự án, thực hiện các biện pháp khắc phục, báo cáo cho các cơ quan liên quan để có phương án xử lý kịp thời.

- Đối với vật chất nạo vét còn lại tạm lưu chứa tại khu dịch vụ hậu cần nghề cá của dự án, Chủ dự án phải có biện pháp quản lý để không làm ảnh hưởng đến môi trường và cuộc sống của người dân vùng dự án và có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quản lý, xử lý và sử dụng vật chất nạo vét còn lại nêu trên theo quy định của pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo quy định.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để xảy ra sự cố sạt lở, xói lở bờ sông và các sự cố liên quan đến bãi chứa vật chất nạo vét. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./.